

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày: 03/3/2020
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Công.
2. Ông Đặng Thế Nghiệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 418/2019/TLST-DS, ngày 07/12/2019 về vụ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Lệ T, sinh năm 1977. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh T. (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bà Trần Thị Lệ T là nguyên đơn trình bày: vào ngày 01/6/2018 bà có vay của bà Nguyễn Thị H dùng cho ông Nguyễn Trường S số tiền là 2.000.000 đồng và bà có cho ông S mượn 1.000.000 đồng. Tổng cộng là 3.000.000 đồng. Ông S có đóng lãi được 02 tháng bằng 400.000 đồng, số tiền lãi và tiền vốn vay do bà vay của bà H dùng cho ông S, bà đã trả lại cho bà H xong. Nay ông S còn thiếu bà là 3.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết buộc ông Nguyễn Trường S phải trả cho bà bằng 5.000.000 đồng. Trong đó tiền vốn là 3.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 01/6/2019 là 2.000.000 đồng.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Trường S là bị đơn trình bày: vào tháng 4/2019 ông có vay của bà Trần Thị Lệ T số tiền

3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1.000.000 đồng một tháng là 100.000 đồng tiền lãi. Sau khi vay ông có đóng cho bà T được 400.000 đồng tiền lãi rồi ngưng cho đến nay không có đóng lãi nữa và chưa trả tiền vốn cho bà T.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông trả lại tiền vốn vay là 3.000.000 đồng và tiền lãi. Ông đồng ý trả số tiền này.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về tiền vốn vay là 3.000.000 đồng và rút lại một phần yêu cầu về tiền lãi là chỉ yêu cầu ông S trả tiền lãi theo quy định pháp luật, mốc thời gian tính lãi từ ngày 01/9/2018 đến ngày 01/6/2019 là 09 tháng x 1%/tháng bằng 208.800 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày 01/6/2019 cho đến ngày xét xử; nguyên đơn không có cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Trường S là bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[3] Nội dung tranh chấp: yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Lệ T yêu cầu ông Nguyễn Trường S trả lại cho bà tiền vốn vay là 3.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật; ông S thừa nhận có vay tiền của bà T tổng số tiền 3.000.000 đồng và đồng ý trả lại số tiền vay này và tiền lãi theo như yêu cầu của bà T. Xét thấy, việc vay tiền giữa bà T và ông S là có thật và đương sự đã thỏa thuận thống nhất với nhau về tiền vốn vay và tiền lãi. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự về chứng cứ chứng minh, Tòa án công nhận tình tiết này là sự thật, đương sự không phải chứng minh. Do đó, ông S có nghĩa vụ trả lại cho bà T tổng số tiền vốn vay và tiền lãi là 3.208.800 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: do được chấp nhận yêu cầu nên bà Lệ T không phải chịu án phí; ông S phải chịu án dân sự sơ thẩm phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 274, 280, 463, 465, 466, 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ T.

Buộc ông Nguyễn Trường S trả cho bà Trần Thị Lệ T tổng số tiền vay còn nợ cả gốc và lãi là 3.208.800 (*Ba triệu, hai trăm linh tám nghìn, tám trăm*) đồng. Trong đó tiền vốn gốc là 3.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 01/6/2019 là 208.800 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc ông Nguyễn Trường S có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng. Bà Trần Thị Lệ T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Trần Thị Lệ T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0005368, ngày 27/11/2019 do bà Lệ T nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Trường S vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung